

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 540 /DVKT - VP

Về việc công bố Báo cáo tài chính
hợp nhất năm 2014 đã kiểm toán

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. HCM, ngày 31 tháng 3 năm 2015

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Cơ quan đại diện của Ủy ban Chứng khoán nhà nước tại TP HCM
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty : Tổng công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
2. Mã chứng khoán: **PVS**
3. Trụ sở chính : Số 1-5 Lê Duẩn, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
4. Điện thoại : 08.3910 2828 Fax: 08.3910 2929
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Đức Thủy
6. Nội dung của thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 đã kiểm toán của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh Báo cáo tài chính.

- Giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 trước và sau kiểm toán.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.ptsc.com.vn.

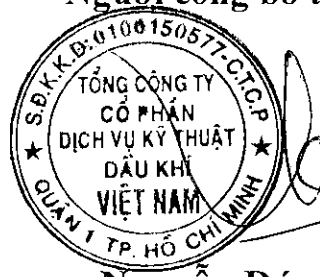
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Ban TGD (để b/c);
- Ban TCKT;
- Website: www.ptsc.com.vn;
- Lưu VT, TK, HĐQT.

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC

Người công bố thông tin



Nguyễn Đức Thủy



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA
VIỆT NAM
**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ
VIỆT NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 537 /DVKT-TCKT
V/v: Giải trình chênh lệch số liệu
Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014
sau kiểm toán

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2015

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán”.

Ngày 23/03/2015, Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) đã phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. Theo đó, lợi nhuận sau thuế của Báo cáo tài chính năm 2014 sau kiểm toán đạt 1.823.729 triệu đồng, tăng 58.321 triệu đồng so với lợi nhuận sau thuế của Báo cáo tài chính năm 2014 do PTSC lập, tương đương tăng 3,30%. Biến động này chủ yếu là do:

- Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính do PTSC lập, một số khoản doanh thu thuộc dịch vụ cơ khí dầu khí và dịch vụ khác chưa đủ căn cứ, chứng từ, xác nhận để làm cơ sở cho việc ghi nhận theo quy định. Tuy nhiên, đến thời điểm thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính thì các căn cứ, chứng từ, xác nhận đã được tập hợp đầy đủ nên PTSC đã thực hiện ghi nhận doanh thu này vào kết quả kinh doanh theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán số 23 – Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

- PTSC thực hiện hoàn nhập một số khoản chi phí trích trước mà đến thời điểm thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính đã được quyết toán.

- PTSC thực hiện tính toán lại chi phí thuế TNDN để phù hợp với quy định của Luật thuế TNDN.

Tổng công ty PTSC trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

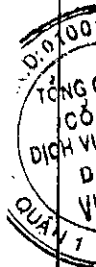
- Như trên;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- TGD (để b/c);
- Lưu: VT, Ban TCKT-NQC.

viak

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
KHOA TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Mậu





**TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT
DẦU KHÍ VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

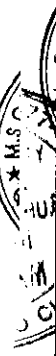
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

503
NG
HÀ
KỸ
U K
I N
H

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 49



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con được gọi chung là “Tổng công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã điều hành Tổng công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Thái Quốc Hiệp	Chủ tịch
Ông Phan Thanh Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Mậu	Thành viên (bổ nhiệm ngày 14 tháng 10 năm 2014)
Ông Lê Minh Tiến	Thành viên (miễn nhiệm ngày 21 tháng 7 năm 2014)
Ông Nguyễn Văn Dân	Thành viên
Ông Phạm Văn Dũng	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Hương	Thành viên
Ông Đoàn Minh Mẫn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Thanh Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trần Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Mậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Quốc Hoan	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Csg
Phan Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2015

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam *Ulee*

12500
HÀNG
CÔNG
NHẬN
CÔNG C
LỢI C
THU K
TP. ĐÀU
VIỆT
TP. H

Số. 395 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con được gọi chung là “Tổng công ty”) được lập ngày 23 tháng 3 năm 2015, từ trang 5 đến trang 49, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

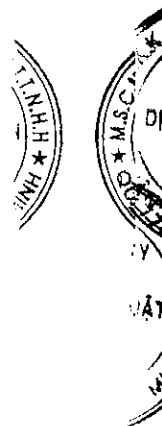
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



[Signature]
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 23 tháng 3 năm 2015
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Đào Thái Thịnh
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1867-2013-001-1



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		17.019.865.844.827	14.274.189.103.314
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	8.199.395.568.055	5.856.522.432.948
1. Tiền	111		4.271.825.574.947	3.768.758.071.985
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.927.569.993.108	2.087.764.360.963
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.110.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		4.110.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.533.533.384.926	7.533.115.591.334
1. Phải thu khách hàng	131		5.646.895.381.826	5.691.052.445.269
2. Trả trước cho người bán	132		208.600.589.533	241.445.601.195
3. Các khoản phải thu khác	135	6	1.719.315.800.084	1.627.931.536.499
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(41.278.386.517)	(27.313.991.629)
IV. Hàng tồn kho	140	7	898.590.509.484	715.172.489.050
1. Hàng tồn kho	141		903.248.770.304	718.739.559.325
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.658.260.820)	(3.567.070.275)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		384.236.382.362	169.378.589.982
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		46.904.669.115	45.759.440.870
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		174.003.277.948	82.428.585.076
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		50.630.728.443	21.860.262.638
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		112.697.706.856	19.330.301.398
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		9.418.575.008.427	9.542.323.732.634
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		30.000.000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	684.403.704
2. Phải thu dài hạn khác	218		30.000.000	578.011.961
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	(1.262.415.665)
II. Tài sản cố định	220		4.718.143.259.969	5.313.423.672.637
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	4.601.222.404.035	5.280.432.849.351
- Nguyên giá	222		10.674.309.633.119	10.390.923.629.472
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.073.087.229.084)	(5.110.490.780.121)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	25.601.411.271	7.192.244.792
- Nguyên giá	228		58.824.135.445	34.434.831.214
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(33.222.724.174)	(27.242.586.422)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	91.319.444.663	25.798.578.494
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		4.045.642.651.413	3.630.817.465.435
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	12	3.886.533.596.834	3.434.088.882.491
2. Đầu tư dài hạn khác	258	13	197.685.874.301	232.750.449.076
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	13	(38.576.819.722)	(36.021.866.132)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		654.759.097.045	598.082.594.562
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	652.105.153.551	595.432.314.610
2. Tài sản dài hạn khác	268		2.653.943.494	2.650.279.952
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		26.438.440.853.254	23.816.512.835.948

MEH

luc

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 49 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		15.650.967.735.873	14.119.990.665.342
I. Nợ ngắn hạn	310		12.387.152.455.358	10.496.051.815.426
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	751.764.086.591	1.052.154.168.923
2. Phải trả người bán	312		5.118.264.822.271	3.547.067.886.609
3. Người mua trả tiền trước	313		2.090.126.777.779	1.870.980.045.690
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	352.909.921.821	425.645.394.730
5. Phải trả người lao động	315		424.254.456.352	448.860.968.738
6. Chi phí phải trả	316	17	2.257.413.411.257	1.478.702.441.962
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	1.173.182.888.149	1.506.475.934.261
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		219.236.091.138	166.164.974.513
II. Nợ dài hạn	330		3.263.815.280.515	3.623.938.849.916
1. Phải trả dài hạn người bán	331	19	132.535.870.219	265.071.740.439
2. Phải trả dài hạn khác	333		636.932.135	596.944.750
3. Vay và nợ dài hạn	334	20	1.827.999.608.092	2.471.700.422.001
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	22	107.157.361.894	5.501.918.305
5. Dự phòng phải trả dài hạn	337	21	1.148.486.853.990	875.639.176.417
6. Doanh thu chưa thực hiện	338		17.195.508.087	5.428.648.004
7. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		29.803.146.098	-
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		9.351.776.094.550	8.271.188.224.918
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	9.351.776.094.550	8.271.188.224.918
1. Vốn điều lệ	411		4.467.004.210.000	4.467.004.210.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		39.545.660.000	39.539.239.837
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.555.192.138.475	1.129.645.527.690
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		292.018.013.810	213.347.636.321
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.998.016.072.265	2.421.651.611.070
C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIẾU SỐ	439	24	1.435.697.022.831	1.425.333.945.688
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		26.438.440.853.254	23.816.512.835.948
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN			31/12/2014	31/12/2013
Ngoại tệ các loại				
Đô la Mỹ (USD)			134.350.464	112.270.999
Euro (EUR)			18.933	18.933
Đô la Singapore (SGD)			117.762	-
Bảng Anh (GBP)			2.989	2.131

Nguyễn Quang Chánh
 Người lập biểu

Nguyễn Xuân Cường
 Kế toán trưởng



Phan Thanh Tùng
 Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2015

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 49 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	31.516.161.203.972	25.429.479.570.872
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	-	10.960.647.543
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	26	31.516.161.203.972	25.418.518.923.329
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	29.070.471.588.799	22.749.774.068.644
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 =10-11)	20		2.445.689.615.173	2.668.744.854.685
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	218.211.425.598	270.416.634.554
7. Chi phí tài chính	22	30	193.415.402.193	287.592.034.118
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		95.491.794.579	147.673.940.613
8. Chi phí bán hàng	24		116.107.066.644	108.408.454.910
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		710.659.081.658	640.043.470.800
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		1.643.719.490.276	1.903.117.529.411
11. Thu nhập khác	31	31	160.933.654.896	95.623.794.485
12. Chi phí khác	32	32	20.694.364.339	49.598.043.668
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		140.239.290.557	46.025.750.817
14. Lợi nhuận thuần từ các công ty liên kết, liên doanh	45	33	543.824.853.736	319.397.075.604
15. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40+45)	50		2.327.783.634.569	2.268.540.355.832
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	402.398.791.071	527.436.010.409
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	22	101.655.443.589	41.437.184.380
18. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		1.823.729.399.909	1.699.667.161.043
<i>Phân phối cho:</i>				
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61	23	10.293.170.900	124.078.338.447
Lợi ích của cổ đông của Tổng công ty	62		1.813.436.229.009	1.575.588.822.596
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		4.060	3.683

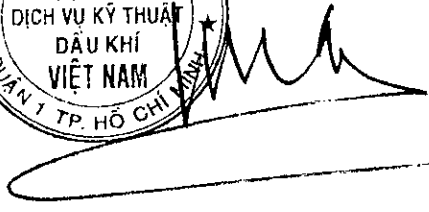


Nguyễn Quang Chánh
Người lập biểu




Nguyễn Xuân Cường
Kê toán trưởng





Phan Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2015

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam 

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 49 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.327.783.634.569	2.268.540.355.832
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	982.679.200.495	975.446.893.645
Các khoản dự phòng	03	16.348.123.358	20.472.978.742
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	19.124.728.474	30.596.301.838
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(154.147.964.541)	(197.159.970.927)
Chi phí lãi vay	06	95.491.794.579	147.673.940.613
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.287.279.516.934	3.245.570.499.743
Thay đổi các khoản phải thu	09	(88.425.664.741)	(2.205.303.003.640)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(184.174.496.116)	(74.793.919.957)
Thay đổi các khoản phải trả	11	1.583.132.549.994	2.015.225.919.185
Thay đổi chi phí trả trước	12	(57.180.080.060)	(91.929.521.865)
Tiền lãi vay đã trả	13	(102.733.432.479)	(256.821.750.241)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(509.399.228.960)	(542.675.357.067)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	16.293.404.013	11.937.498.777
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(179.574.281.572)	(129.341.670.509)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.765.218.287.013	1.971.868.694.426
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua và xây dựng tài sản cố định	21	(268.530.345.894)	(437.992.253.330)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	9.237.911.657	3.119.511.001
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.110.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	36.197.370.505	214.604.964.517
5. Đầu tư vào các công ty khác và đầu tư dài hạn khác	25	(36.571.200.000)	(1.278.096.220.192)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	321.557.196.151
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	140.878.011.344	205.488.767.073
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(122.898.252.388)	(971.318.034.780)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	1.042.307.330.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	28.594.428.783	3.500.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(774.463.151.130)	(1.112.517.306.642)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(573.205.286.335)	(791.875.741.991)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.319.074.008.682)	(858.585.718.633)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	2.323.246.025.943	141.964.941.013
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	5.856.522.432.948	5.709.908.975.761
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	19.627.109.164	4.648.516.174
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	8.199.395.568.055	5.856.522.432.948

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 49 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

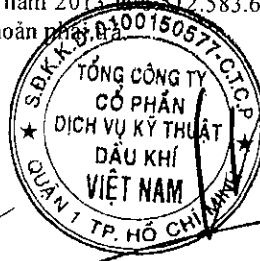
Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua và xây dựng tài sản cố định không bao gồm số tiền 752.037.147.525 đồng là giá trị tài sản mua sắm chưa thanh toán cho người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 639.830.116.868 đồng). Theo đó, một khoản tiền tương ứng được điều chỉnh trên phần biến động các khoản phải trả.

Cổ tức đã trả cho cổ đông không bao gồm số tiền 7.226.542.273 đồng là khoản cổ tức chưa thanh toán cho cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 12.6512.583.673 đồng). Theo đó, một khoản tiền tương ứng được điều chỉnh trên phần biến động các khoản phải trả.

Nguyễn Quang Chánh
Người lập biểu

Nguyễn Xuân Cường
Kế toán trưởng



Phan Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2015

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con được gọi chung là "Tổng công ty") được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015198 cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 6 số 0100150577 ngày 22 tháng 5 năm 2014 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Cổ phiếu của Tổng công ty được niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 20 tháng 9 năm 2007 với mã chứng khoán là PVS. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVN") là cổ đông chính và là công ty mẹ của Tổng công ty.

Tổng số nhân viên của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 9.004 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 6.546 người).

Tổng công ty có 11 công ty con và 07 chi nhánh trực thuộc như sau:

- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam tại Hà Nội
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng PTSC
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Long Phú
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí Quảng Bình
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát Công trình ngầm PTSC
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC
- Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC CGGV
- Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC
- Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa
- Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Định Vũ
- Công ty Cổ phần Cảng Dịch Vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam.

Hoạt động chính

Dịch vụ phục vụ hoạt động khảo sát địa vật lý - địa chất công trình, dịch vụ lặn, dịch vụ cung cấp ROV phục vụ công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và công trình công nghiệp, dân dụng; dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; sửa chữa các công trình dầu khí biển; các dịch vụ sinh hoạt dầu khí (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar); dịch vụ quản lý, khai thác các tàu chứa dầu (FSO), tàu chứa xử lý dầu thô (FPSO), các tàu dịch vụ, tàu vận chuyển các sản phẩm dầu và khí; dịch vụ quản lý điều hành kinh doanh, khai thác cảng, căn cứ dịch vụ kỹ thuật dầu khí; dịch vụ quản lý tổ chức thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực cơ khí hàng hải; dịch vụ chế tạo, sửa chữa, bảo dưỡng cơ khí, vật tư, thiết bị, thực phẩm phục vụ ngành dầu khí, dịch vụ thử tải, kiểm tra không phá hủy, xử lý nhiệt trước và sau hàn, dịch vụ hạ thủy, nâng hạng nặng, cần.

3-KY
DI
00-0
HÁN
G
NH
IT
NG T
NÀ
HỘ
HƯA
1
H MI

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐÀU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Những thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho các quy định trong phần XIII của Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”.

Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư này đến các báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

02-C
H
U HAI
E
CHINH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty mẹ vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty mẹ tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty mẹ và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty mẹ lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, các khoản góp vốn liên doanh được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty mẹ vào phần tài sản thuần của công ty liên doanh sau ngày góp vốn vào công ty liên doanh.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/IN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và chi phí liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc, thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản khác	04 - 14

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và các phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành thì không tính khấu hao. Phần mềm máy tính được khấu hao trong thời gian 3 năm.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cấp có thẩm quyền.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm quyền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thuê văn phòng, chi phí thiết bị sửa chữa, giá trị còn lại của tài sản cố định không đủ tiêu chuẩn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo thời gian sử dụng của lô đất.

Tiền thuê văn phòng trả trước liên quan đến việc thuê văn phòng Tổng công ty tại tòa nhà số 1-5 Lê Duẩn với thời hạn 50 năm bắt đầu từ tháng 10 năm 2010. Tổng công ty phân bổ khoản tiền thuê này vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời gian thuê và diện tích sử dụng hàng năm.

Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các công cụ dụng cụ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng công ty với thời hạn từ một năm trở lên, và tài sản cố định không thỏa mãn điều kiện là tài sản cố định theo hướng dẫn của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013. Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng thực tế.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu với tỷ lệ sở hữu nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định hiện hành.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng công ty là bên cho thuê

Doanh thu từ các khoản cho thuê hoạt động được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tổng công ty là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

QUY
2600-0
HÀNH
CÔNG TY
NHIỆM VỤ
LỢI TH
T N
TP. HỒ M

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng công ty có quyền nhận khoản lãi (trừ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh).

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính được tính bằng tỷ lệ giữa khối lượng công việc thực tế hoàn thành và khối lượng công việc theo kế hoạch, hoặc tính bằng tỷ lệ giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc năm tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Tổng công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng tài sản cố định cho năm tài chính trước khi được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản (được vốn hóa); chi phí đi vay phát sinh sau khi tài sản đã đưa vào sử dụng, kinh doanh được ghi nhận vào chi phí trong năm.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp và Tổng công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

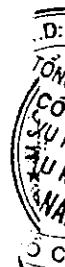
Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	5.851.935.643	5.953.172.178
Tiền gửi ngân hàng	4.265.737.696.117	3.762.787.202.400
Tiền đang chuyển	235.943.187	17.697.407
Các khoản tương đương tiền	3.927.569.993.108	2.087.764.360.963
	<u>8.199.395.568.055</u>	<u>5.856.522.432.948</u>

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại trong nước có thời hạn gửi dưới 3 tháng với lãi suất từ 4%/năm đến 6%/năm và bao gồm số tiền 3.146.882.778 đồng là khoản được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo các khoản vay của Tổng công ty và số tiền 2.000.000.000 đồng là khoản ký quỹ để được thực hiện dịch vụ cung ứng lao động.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất (i)	124.740.417.492	135.242.585.846
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú - Sông Hậu (ii)	587.655.082.100	561.165.082.100
Công ty Saipem Asia Sdn Bhd (iii)	11.691.853.169	11.691.853.169
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch (iv)	230.819.875.570	230.819.875.570
Talisman Malaysia Limited (viii)	56.924.499.844	16.483.209.377
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) (xi)	16.850.156.471	2.927.589.014
Công ty Liên doanh Điều hành Cửu Long (xi)	2.020.879.757	3.087.424.212
CGG Services (Singapore) Pte Ltd (xi)	110.355.008	48.426.101.429
Công ty TNHH Một Thành Viên Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước (xi)	1.730.764.700	438.604.519
PVEP Overseas Exploration Production Operating Co., Ltd (xi)	9.223.591.072	9.097.799.325
Công ty Cổ Phần Đầu tư Phát triển công nghệ Điện tử Viễn thông	11.516.550.273	11.516.550.273
Thuế GTGT chưa được khấu trừ	60.908.377.685	27.060.352.873
Thuế GTGT nhà thầu nước ngoài chưa đủ điều kiện được khấu trừ	5.784.454.294	37.859.426.760
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	2.322.297.651	23.719.193.800
Tổ hợp nhà Thầu JGCS (v)	99.000.802.393	-
Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd (vi)	89.385.784.972	-
Văn phòng điều hành tại TP.HCM - Pearl Oil (Tephrite) Limited (vii)	171.155.857.061	-
Ban Quản lý dự án công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn (ix)	52.345.374.030	-
Công ty SK Engineering & Construction Co., Ltd (x)	28.743.632.143	-
Văn phòng điều hành Murphy Nha Trang Oil Co., Ltd	10.298.289.965	-
Boskalis International B.V	3.775.555.347	-
Talisman Vietnam 135 - 136 B.V	3.954.942.900	-
Văn phòng điều hành Công ty TNHH Origin Energy (Song Hong) - Lô 121	9.540.977.852	-
TL Offshore Sdn Bhd	9.990.954.859	-
Japan Vietnam Petroleum Corporation (JVPC)	5.013.338.694	-
CGG Services (Malaysia) Sdn Bhd (xi)	6.713.954.986	-
CGG Services SA (xi)	5.530.556.379	-
Liên doanh Dầu khí Việt Nga (xi)	-	15.747.405.061
PT CGG Services Indonesia (xi)	-	128.543.085.418
Công ty Liên doanh Điều hành Hoàng Long	-	19.724.468.088
Giá trị XDCB điều chỉnh tạm thời của Kiểm toán Nhà nước năm 2012	-	11.316.565.122
Văn phòng đại diện của Eni Vietnam BV - Lô 120	-	8.066.649.677
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	-	228.630.275.888
Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu khí (Petechim)	-	18.360.000.000
Gulf Marine Far East (Pte) Ltd	-	4.059.696.445
Yinson Offshore Ltd	-	4.262.499.740
Phải thu khác	101.566.623.417	69.685.242.793
	<u>1.719.315.800.084</u>	<u>1.627.931.536.499</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

- (i) Phải thu khác từ Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất là khoản phải thu về việc chuyển nhượng 15 triệu cổ phần sở hữu tại Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu dầu khí Nhơn Trạch (trước đây là Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện nổi PTSC). Khoản phải thu này có thể được bù trừ với khoản công nợ phải trả liên quan đến dự án này cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam sau khi việc chuyển nhượng dự án Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch được phê duyệt chính thức.
- (ii) Khoản phải thu từ Ban Quản lý Dự Án Điện Lực Dầu Khí Long Phú - Sông Hậu - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bao gồm khoản phải thu từ doanh thu trích trước theo tiến độ hoàn thành từ mốc số 9 đến mốc số 16 của hạng mục san lấp mặt bằng và doanh thu phí quản lý.
- (iii) Khoản phải thu từ Công ty Saipem Asia Sdn Bhd là khoản chi hộ của dịch vụ đại lý tàu biển mà Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí thực hiện cho Công ty Saipem Asia Sdn Bhd.
- (iv) Phải thu khác từ Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch thể hiện khoản phải thu liên quan đến việc chuyển giao giá trị xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch mà Tổng công ty nhận bàn giao từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVN") theo Nghị quyết số 7090/NQ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010 của PVN và Nghị quyết số 2047/NQ-DVKT-HDQT ngày 05 tháng 7 năm 2011 của Tổng công ty. Khoản phải thu này có thể được điều chỉnh và được bù trừ với khoản công nợ phải trả liên quan đến dự án này cho PVN sau khi việc chuyển nhượng dự án Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch được phê duyệt chính thức.
- (v) Khoản phải thu Tổ hợp nhà thầu JGCS là khoản phải thu trích trước doanh thu dịch vụ thực hiện các gói thầu UGPX, Tank 04, SFF2 thuộc Dự án xây dựng nhà máy lọc dầu Nghi Sơn.
- (vi) Phải thu khác từ Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd là chủ yếu khoản tiền đầu mua hộ PTSC Asia Pacific từ Lam Sơn POC để chạy thử hệ thống máy phát điện.
- (vii) Khoản phải thu Pearl Oil (Tephrite) Limited là khoản phải thu trích trước doanh thu về cung cấp dịch vụ khảo sát địa chấn ba chiều (3D) ở Lô 04-2 ngoài khơi thềm lục địa Việt Nam, thuộc dự án Mubadala Việt Nam.
- (viii) Khoản phải thu Talisman Malaysia Limited là khoản phải thu về trích trước doanh thu dịch vụ đã cung cấp trong năm 2014 cho Talisman Malaysia Limited.
- (ix) Khoản phải thu Ban Quản lý dự án công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn là khoản phải thu về trích trước doanh thu khối lượng thi công nạo vét thuộc dự án nạo vét Cảng Nghi Sơn theo hợp đồng số 01 và 02/2013/HD/LDNS.
- (x) Khoản phải thu Công ty SK Engineering & Construction Co., Ltd là khoản phải thu về trích trước doanh thu thi công xây dựng cầu cảng gói thầu B2 đã thực hiện trong năm 2014 thuộc dự án xây dựng nhà máy lọc dầu Nghi Sơn.
- (xi) Phải thu khác từ CGG Services (Singapore) Pte Ltd, Tập Đoàn Dầu khí Việt Nam, Công ty Liên doanh Điều hành Cù Long, Công ty TNHH Một Thành Viên Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước, PVEP Overseas Exploration Production Operating Co., Ltd, là những khoản trích trước doanh thu của dịch vụ khảo sát địa chấn 2D/3D đã thực hiện trong năm 2014.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

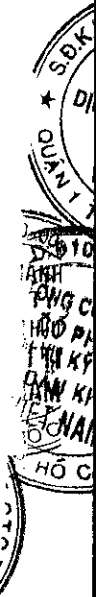
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***7. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	3.034.660.599	3.314.387.789
Nguyên liệu, vật liệu	147.919.120.379	142.644.312.563
Công cụ, dụng cụ	16.915.174.403	9.542.370.236
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	729.575.235.940	555.428.278.750
Hàng hóa	5.804.578.983	7.810.209.987
	<u>903.248.770.304</u>	<u>718.739.559.325</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(4.658.260.820)</u>	<u>(3.567.070.275)</u>
	<u>898.590.509.484</u>	<u>715.172.489.050</u>

(*) Chi tiết chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú	274.383.581.140	266.751.089.849
Dự án Ruby A Gaslift	10.744.625.541	86.734.905.657
Dự án Huc Mộc Tinh	-	26.703.440.438
Dự án Bio Ethanol	64.070.272.727	68.951.881.380
Dịch vụ tàu dầu khí	-	53.538.470.711
Dịch vụ căn cứ cảng	-	18.772.064.355
Dự án MLS - Maharaja Lela South	142.262.779.762	-
Dự án Pipeline Thái Bình Hàm Rồng	126.288.439.590	-
Dịch vụ sửa chữa thay thế xích neo cho Mỏ Đại Hùng	13.317.849.342	-
Dự án nạo vét Cảng Nghi Sơn	15.984.472.469	-
Dự án nhà máy lọc dầu Nghi Sơn Jetty	196.457.882	-
Dự án nhà máy lọc dầu Nghi Sơn SMP9	11.136.658.756	-
Dịch vụ FSO/FPSO	-	13.696.724.603
Khác	71.190.098.731	20.279.701.757
	<u>729.575.235.940</u>	<u>555.428.278.750</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Mẫu B 09 - DN/HN

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2014	2.924.717.793.928	1.338.544.738.527	6.036.933.473.935	87.794.423.849	2.933.199.233	10.390.923.629.472
Mua sắm trong năm	15.864.231.952	98.772.420.972	70.761.794.463	20.663.531.252	1.862.563.100	207.924.541.739
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	75.385.886.569	5.579.054.802	-	-	-	80.964.941.371
Tăng do mua bán, chuyển đổi	925.575.697	155.000.000	7.469.372.468	1.558.501.517	-	10.108.449.882
Tăng khác	5.240.731.012	-	-	-	-	5.240.731.012
Thanh lý, nhượng bán	-	(5.062.146.418)	(14.279.916.637)	(561.507.289)	-	(19.903.570.344)
Giảm khác	-	(267.200.000)	-	(681.889.813)	-	(949.089.813)
Tại ngày 31/12/2014	3.022.134.219.158	1.437.721.867.883	6.100.884.724.229	108.773.059.516	4.795.762.333	10.674.309.633.119
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2014	1.347.165.346.495	551.480.638.431	3.148.293.325.670	62.330.778.568	1.220.690.957	5.110.490.780.121
Trích khấu hao trong năm	164.952.097.459	179.837.501.056	615.677.929.907	16.218.670.398	451.294.051	977.137.492.871
Tăng do mua bán, chuyển đổi	314.702.656	53.819.448	3.259.385.671	603.098.228	-	4.231.006.003
Tăng khác	1.640.330.184	-	-	-	-	1.640.330.184
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.916.318.709)	(14.133.948.744)	(561.507.289)	-	(19.611.774.742)
Giảm khác	-	(103.451.965)	(44.908.342)	(652.245.046)	-	(800.605.353)
Tại ngày 31/12/2014	1.514.072.476.794	726.352.188.261	3.753.051.784.162	77.938.794.859	1.671.985.008	6.073.087.229.084
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2014	1.508.061.742.364	711.369.679.622	2.347.832.940.067	30.834.264.657	3.123.777.325	4.601.222.404.035
Tại ngày 31/12/2013	1.577.552.447.433	787.064.100.096	2.888.640.148.265	25.463.645.281	1.712.508.276	5.280.432.849.351

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Tổng công ty đã thế chấp các tài sản hình thành từ vốn vay với nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 4.118.965 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 4.304.009 triệu đồng) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 2.066.522 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.972.575 triệu đồng).



TÓNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	1.310.220.000	33.124.611.214	-	34.434.831.214
Mua trong năm	-	23.446.114.231	-	23.446.114.231
Tăng do mua bán, chuyển đổi	-	911.190.000	32.000.000	943.190.000
Tại ngày 31/12/2014	<u>1.310.220.000</u>	<u>57.481.915.445</u>	<u>32.000.000</u>	<u>58.824.135.445</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	-	27.242.586.422	-	27.242.586.422
Khấu hao trong năm	-	5.533.686.062	8.021.562	5.541.707.624
Tăng do mua bán, chuyển đổi	-	420.381.611	18.048.517	438.430.128
Tại ngày 31/12/2014	-	<u>33.196.654.095</u>	<u>26.070.079</u>	<u>33.222.724.174</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2014	<u>1.310.220.000</u>	<u>24.285.261.350</u>	<u>5.929.921</u>	<u>25.601.411.271</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>1.310.220.000</u>	<u>5.882.024.792</u>	-	<u>7.192.244.792</u>

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
PTSC Tower Vũng Tàu	8.620.653.020	8.620.653.020
Phần mềm Quản lý nhân sự tiền lương	-	1.079.746.500
Cầu tháp 16 tầng số 03	4.039.334.818	-
Văn phòng làm việc PTSC Hà Nội	2.784.490.476	1.925.111.065
Phần mềm giải pháp PDMS	-	4.935.870.720
Máy cắt thép tấm CNC	-	3.358.044.916
Nâng cấp bến Sà lan Cảng Phú Mỹ	-	3.523.360.000
Đầu tư xây dựng mở rộng cầu Cảng Đình Vũ	3.444.071.479	600.244.983
Cải tạo xử lý nước thải KSDK Vũng Tàu	1.047.770.000	-
Đầu tư Bến số 2- Cảng Tổng Hợp Dung Quất	51.440.892.500	-
Hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải tập trung	15.746.865.753	-
Dự án nâng cấp cầu Cảng PTSC Thanh Hóa	2.105.470.000	-
Xây dựng cơ bản dở dang khác	2.089.896.617	1.755.547.290
	<u>91.319.444.663</u>	<u>25.798.578.494</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty con	Địa điểm	Tỷ lệ sở hữu %		Hoạt động chính
		Theo giấy phép đầu tư	Theo vốn thực góp	
Công ty TNHH MTV Dịch vụ cơ khí Hàng hải PTSC	Việt Nam	100,00	100,00	Dịch vụ chế tạo, lắp đặt công trình dầu khí
Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC	Việt Nam	100,00	100,00	Dịch vụ khách sạn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	Việt Nam	100,00	100,00	Dịch vụ khảo sát và công trình ngầm
Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC CGGV	Việt Nam	51,00	51,00	Dịch vụ thu nhận dữ liệu địa chấn 2D, 3D
Công ty Cổ phần Dịch vụ dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Việt Nam	95,19	95,19	Thương mại, xây dựng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	Việt Nam	84,95	84,95	Vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Việt Nam	54,69	54,69	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đinh Vũ	Việt Nam	51,00	51,00	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Việt Nam	51,00	51,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Việt Nam	59,61	59,61	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam (i)	Việt Nam	51,00	69,91	Dịch vụ dầu khí

- (i) Ngày 17 tháng 10 năm 2013, Hội đồng Quản trị Tổng công ty đã ban hành nghị quyết số 802/NQ-DVKT-HĐQT về việc nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam (PV Security). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 420.000 cổ phần của Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn tại công ty PV Security, theo đó, số lượng cổ phần sở hữu của Tổng công ty tại PV Security tăng từ 1.110.000 cổ phần, tương đương 37% vốn điều lệ lên 1.530.000 cổ phần, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, PV Security đã trở thành công ty con của Tổng công ty theo quy định.

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Giá trị khoản đầu tư gốc	2.820.333.240.787	2.799.062.040.787
Phần kết quả thuần từ các công ty liên kết, liên doanh:		
Lũy kế các năm trước	635.026.841.704	449.856.787.600
Lợi nhuận trong năm	543.824.853.736	319.397.075.604
Trừ: Cổ tức được chia trong năm	(111.215.970.000)	(134.227.021.500)
Điều chỉnh lợi nhuận các năm trước	(1.435.369.393)	-
	3.886.533.596.834	3.434.088.882.491



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết, liên doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty	Địa điểm	Tỷ lệ sở hữu %		Hoạt động chính
		Theo giấy phép đầu tư	Theo vốn thực góp	
Công ty Liên doanh Rồng Đồi MV12	Singapore	33,00	33,00	Dịch vụ dầu khí
Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited (i)	Malaysia	49,00	49,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited (ii)	Malaysia	60,00	60,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	Việt Nam	42,05	42,05	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần chế tạo Giàn khoan Dầu khí	Việt Nam	28,75	28,75	Dịch vụ chế tạo, lắp đặt công trình dầu khí
Công ty Liên doanh PTSC South East Asia Pte Ltd (iii)	Singapore	51,00	51,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd (iv)	Singapore	51,00	51,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà (v)	Việt Nam	49,95	49,95	Dịch vụ căn cứ cảng

- (i) Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited (gọi tắt là "MVOT") là liên doanh đồng kiểm soát được thành lập giữa Tổng công ty và đối tác Malaysia International Shipping Corporation Berhard từ năm 2009 để đầu tư kho nổi FSO "Orkid" sức chứa 650.000 thùng dầu để cho khách hàng Talisman Malaysia Limited thuê trong vòng 10 năm, phục vụ khai thác dầu ngoài khơi tại khu vực chông lán thương mại PM-3 giữa Việt Nam và Malaysia. Kho nổi FSO "Orkid" đã đi vào hoạt động từ năm 2009.
- (ii) Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited là liên doanh đồng kiểm soát được thành lập giữa Tổng công ty và đối tác Malaysia International Shipping Corporation Berhard từ năm 2009, trong đó Tổng công ty chiếm 60% vốn để sở hữu, quản lý, và khai thác kho nổi chứa dầu FPSO "Ruby II" phục vụ hoạt động thăm dò khai thác dầu khí của khách hàng Petronas. Từ tháng 6 năm 2010, kho nổi "FPSO Ruby II" đã bắt đầu hoạt động và đưa vào vận hành khai thác.
- (iii) Công ty Liên doanh PTSC South East Asia Pte Ltd (gọi tắt là "PTSC SEA") là liên doanh đồng kiểm soát được thành lập trong tháng 9 năm 2011 bởi Tổng công ty cùng với đối tác Yinson Holdings Berhad (Malaysia) theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 474/BKHĐT-DTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 31 tháng 10 năm 2011 để đầu tư đóng mới và cho thuê kho nổi chứa, xuất dầu (FSO) phục vụ Dự án Biển Đông 1. Dự án có tổng vốn đầu tư là 149.318.329 Đô la Mỹ, tương đương 3.071.478 triệu đồng, trong đó vốn góp là 37.329.582 Đô la Mỹ chiếm 25% vốn đầu tư, còn lại là vốn vay. Trong đó vốn góp của Tổng công ty là 19.038.087 Đô la Mỹ, tương đương 391.613 triệu đồng chiếm 51% vốn điều lệ. Hoạt động của liên doanh là đầu tư và sở hữu FSO "PTSC Biển Đông 01"; cho Tổng công ty thuê tàu trần FSO; tiếp thị và cho thuê tàu sau khi hết hạn hợp đồng; các nội dung công việc khác theo điều lệ công ty. PTSC SEA đã đi vào hoạt động từ năm 2011. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, Tổng công ty đã thực hiện góp vốn vào Liên doanh PTSC SEA là 16.320.000 Đô la Mỹ, tương đương 340.800.232.500 đồng.
- (iv) Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd (gọi tắt là "PTSC AP") là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập trong năm 2012 bởi Tổng công ty cùng đối tác Yinson Holding Berhad theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 561/BKHĐT-DTRNN ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để góp vốn đầu tư kinh doanh kho nổi chứa, xuất và xử lý dầu (FPSO) cho Công ty Điều hành chung Lam Sơn (Lam Sơn JOC) thuê phục vụ phát triển lô 01/97 và lô 02/97 thuộc vùng trũng Cửu Long tại vùng biển Việt Nam. Dự án có tổng vốn đầu tư là 429.977.481 Đô la Mỹ, trong đó tương đương 9.113.372.709.795 đồng, trong đó, vốn góp của các bên là 119.996.426 Đô la Mỹ chiếm 27,9% vốn đầu tư, còn lại là vốn vay. Trong đó, Tổng công ty góp là 61.198.177 Đô la Mỹ, tương đương 1.272.922.081.600 đồng chiếm 51% vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng công ty đã thực hiện góp vốn vào Liên doanh PTSC AP là 51.000.000 Đô la Mỹ, tương đương 1.069.026.300.000 đồng.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

- (v) Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà là Công ty cổ phần được thành lập từ vốn góp của Tổng công ty, Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng và một cá nhân khác theo Giấy Đăng ký kinh doanh số 0401539487 cấp ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng. Công ty có vốn điều lệ là 250.000.000.000 đồng, trong đó vốn góp của Tổng công ty là 124.875.000.000 đồng, tương đương 49,95% vốn điều lệ của Công ty.

13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cho vay Công ty Liên doanh Rồng Đồi MV12 (i)	63.902.830.591	98.967.405.366
Đầu tư góp vốn vào công ty cổ phần khác	<u>133.783.043.710</u>	<u>133.783.043.710</u>
	197.685.874.301	232.750.449.076
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (ii)	<u>(38.576.819.722)</u>	<u>(36.021.866.132)</u>
	<u>159.109.054.579</u>	<u>196.728.582.944</u>

- (i) Khoản cho vay Công ty Liên doanh Rồng Đồi MV12 được hưởng lãi suất BBA LIBOR cộng biên độ cố định và sẽ được hoàn trả hết vào ngày 30 tháng 9 năm 2016. Khoản cho vay nói trên được thực hiện theo thỏa thuận của Hợp đồng số 235-2006/PTSC-TCKT/MDV ngày 22 tháng 11 năm 2006 với Công ty Liên doanh Rồng Đồi MV Pte, Ltd., và không có bảo đảm. Mục đích của khoản cho vay này nhằm cung cấp vốn đóng mới tàu "Rồng Đồi MV12" (FSO). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư khoản cho vay này tương đương 2.988.907 Đô la Mỹ, tương đương 63.902.830.591 đồng.

- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng công ty đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn khác và trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư này theo các quy định hiện hành.

Chi tiết biến động trong năm và năm trước của các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Đầu tư dài hạn khác VND
Tại ngày 31/12/2012	15.441.609.335
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	20.675.870.467
Hoàn nhập dự phòng	(95.613.670)
Tại ngày 31/12/2013	36.021.866.132
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	2.554.953.590
Tại ngày 31/12/2014	<u>38.576.819.722</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế văn phòng tại số 1-5 Lê Duẩn (i)	313.390.953.975	317.886.539.863
Thuế đất tại Khu kinh tế Đình Vũ (ii)	124.616.395.331	128.470.510.655
Chi phí sửa chữa tàu Bình Minh 02	6.436.940.821	15.019.528.597
Chi phí vật tư, thiết bị tàu CGG Amadeus, Bình Minh 02 (iii)	123.310.141.986	108.716.320.328
Giá trị còn lại của TSCĐ không đủ tiêu chuẩn theo TT45 chờ phân bổ	265.057.729	2.017.650.859
Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ	642.441.361	2.086.515.337
Phân bổ chi phí sửa chữa tàu PTSC Surveyor	884.263.660	4.421.318.308
Chi phí trang thiết bị, dụng cụ nội thất văn phòng mới	7.087.084.058	1.646.419.718
Chi phí sửa chữa tàu PTSC Researcher 106	13.882.764.492	-
Chi phí pre operation dự án FPSO Lam Sơn	42.536.101.769	-
Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác	19.053.008.369	15.167.510.945
	<u><u>652.105.153.551</u></u>	<u><u>595.432.314.610</u></u>

- (i) Khoản trả trước tiền thuê văn phòng tại số 1-5 Lê Duẩn bắt đầu từ tháng 10 năm 2010, thời hạn thuê 50 năm. Tổng công ty phân bổ khoản tiền thuê này vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời gian thuê và diện tích sử dụng hàng năm.
- (ii) Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ đã thực hiện thuê 138.269 m² đất tại Khu kinh tế Đình Vũ - Hải Phòng của Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đình Vũ (nay là Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Đình Vũ) với mục đích đầu tư xây dựng Căn cứ Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí và Cảng phục vụ Khu Công nghiệp. Thời hạn thuê đất từ tháng 10 năm 2007 đến tháng 4 năm 2047. Giá trị quyền sử dụng đất thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ tháng 7 năm 2008 đến hết thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- (iii) Chi phí vật tư, thiết bị tàu CGG Amadues, Bình Minh 02 thể hiện các khoản chi phí sửa chữa, bảo trì các thiết bị trên tàu Amadues và Bình Minh 02. Chi phí thiết bị được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 2 năm đến 6 năm.

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn	5.463.872.936	228.630.275.888
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 20)	746.300.213.655	823.523.893.035
	<u><u>751.764.086.591</u></u>	<u><u>1.052.154.168.923</u></u>

Khoản vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn. Khoản vay này được giải ngân bằng Đồng Việt Nam với lãi suất là 7,7%/năm, ngày đáo hạn là ngày 16 tháng 01 năm 2015.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	69.099.721.128	56.158.384.238
Thuế xuất, nhập khẩu	17.268.174	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	153.537.065.312	231.089.022.957
Thuế thu nhập cá nhân	22.023.558.796	20.659.990.884
Các loại thuế khác	108.232.308.411	117.737.996.651
	<u>352.909.921.821</u>	<u>425.645.394.730</u>

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

	31/12/2013	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	56.158.384.238	1.204.987.964.003	1.192.046.627.113	69.099.721.128
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	90.415.625.888	90.415.625.888	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	908.501.799	908.501.799	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	27.836.222.456	27.818.954.282	17.268.174
Thuế thu nhập doanh nghiệp	209.235.499.003	403.070.066.827	509.399.228.960	102.906.336.870
Thuế thu nhập cá nhân	20.653.252.200	172.086.887.717	170.716.581.122	22.023.558.795
Thuế tài nguyên	-	877.650.001	877.650.001	-
Thuế nhà đất	-	4.279.259.813	4.253.796.026	25.463.787
Thuế môn bài	-	53.000.000	53.000.000	-
Các loại thuế khác	117.737.996.651	881.734.800.193	891.265.952.220	108.206.844.624
Các khoản khác	-	706.538.492	706.538.492	-
	<u>403.785.132.092</u>	<u>2.786.956.517.189</u>	<u>2.888.462.455.903</u>	<u>302.279.193.378</u>

Trong đó

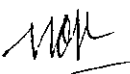
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	21.860.262.638	50.630.728.443
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	425.645.394.730	352.909.921.821

việt

D: 0
 TỔNG
 CỐ
 VỤ
 DẦU
 KHÍ
 VIỆT
 NAM
 P.H.C

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dự án Biển Đông	542.570.393.646	376.007.151.363
Dự án Maharaja Lela South (MLS)	336.111.283.249	-
Dự án Hải Sư Trắng Đen	330.407.263.475	534.661.402.034
Chi phí thực hiện dịch vụ tàu CGG Amadeus, Bình Minh 02	103.586.367.328	47.355.178.996
Dự án Sư Tử Nâu	127.221.130.859	-
Giá vốn Dự án Nạo vét Cảng Nghi Sơn	37.146.692.300	-
Giá vốn dịch vụ thực hiện cho Dự án Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn	130.755.252.186	-
Trích chi phí dự án Thái Bình Hàm Rồng	42.922.266.838	-
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú	96.572.281.670	96.572.281.670
Chi phí dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất và khảo sát công trình ngầm	30.510.134.076	-
Dự án Booster Compressor	2.477.411.076	31.064.607.924
Trích giá vốn liên quan đến cung cấp dịch vụ cho Talisman	41.444.878.536	-
Chi phí hoạt động khảo sát tàu địa chấn 2D/3D	-	100.083.268.686
Lãi vay phải trả các Tổ chức tín dụng	15.479.172.332	28.089.718.081
Lãi vay phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	104.637.167.612
Lãi trả chậm phải trả PVEP do nhận chuyển nhượng tàu Bình Minh 02	13.253.587.022	16.566.983.777
Dự án Thăng Long - Đông Đô	27.728.599.736	8.242.348.865
Chi phí hoạt động tàu FPSO Ruby II	8.248.328.571	12.312.448.662
Dự án khối thượng tầng giàn Công nghệ trung tâm Heera (HRD)	88.975.832.848	72.664.480.009
Trích trước chi phí sửa chữa lớn Sà lan PTSC 01 và POS 01	32.557.029.441	13.488.000.000
Trích trước dự án Huc Zawtica & Cow	-	10.952.047.938
Chi phí dự phòng Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1	147.505.000.000	-
Trích trước chi phí hoạt động tàu FPSO Lam Sơn	9.828.882.901	-
Dự án Sư Tử Trắng	8.572.399.818	-
Trích trước chi phí dự án vận chuyển ống cho TLO	12.805.849.919	-
Chi phí marketing	6.604.699.124	-
Chi phí thuê bãi Vinashin	5.000.000.000	-
Dự án Ruby B Gastlift	5.909.043.537	-
Chi phí phải trả khác	53.219.630.769	26.005.356.345
	<u>2.257.413.411.257</u>	<u>1.478.702.441.962</u>

27/ 

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	382.752.004.016	651.690.052.096
Tổng công ty Công nghiệp Tàu Thủy ("Vinashin") (ii)	400.700.531.130	392.423.879.800
Công ty Điều hành chung Lam Sơn (iii)	83.202.468.286	-
Tổng công ty Xây dựng Đường Thủy (iv)	55.561.395.338	10.686.875.586
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (iv)	40.518.408.320	9.141.595.771
Tiền lương thưởng phải trả người lao động	48.404.069.023	21.289.294.687
Phải trả cổ tức các cổ đông	7.226.542.273	6.512.583.673
Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd	-	210.710.000.000
Gulf Marine Far East (Pte) Ltd	-	19.360.675.470
Intermore Pte Ltd	-	19.526.026.027
Công ty TNHH Một thành viên Cảng Thanh Hóa (thuộc UBND Thanh Hóa)	39.338.750.137	39.338.750.137
PC Vietnam Limited ("Petronas")	-	8.273.086.586
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí trong nước	-	6.736.023.440
Nordic Maritime Pt. Ltd	6.414.000.000	6.321.300.000
Mastek Oil Tools Sdn.Bhd	-	15.526.461.240
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	-	5.647.399.623
Các khoản khác liên quan đến hoạt động SXKD	9.637.417.250	10.694.553.341
OffShore Ltd	7.552.986.709	-
Chi Cục Hải Quan Cửa Khẩu Cảng Dung Quất	12.284.228.892	-
Tạm thu thuế TNCN người lao động	9.901.812.844	-
Thuế nhà thầu phải nộp	6.554.086.832	-
Khác	63.134.187.099	72.597.376.784
	<u><u>1.173.182.888.149</u></u>	<u><u>1.506.475.934.261</u></u>

- (i) Khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bao gồm các khoản chính như giá trị chuyển nhượng Nhà máy Đóng tàu Nhơn Trạch 355.559.451.500 đồng và các khoản phải trả khác liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh.
- (ii) Khoản phải trả cho Vinashin là khoản thanh toán đợt cuối chi phí đóng mới kho nổi chứa dầu FSO5 mà Công ty mẹ là chủ đầu tư và Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (Vinashin) là nhà thầu thực hiện.
- (iii) Khoản phải trả cho Công ty Điều hành chung Lam Sơn ("Lam Sơn POC") là chủ yếu khoản tiền đầu mua hộ PTSC Asia Pacific từ Lam Sơn POC để chạy thử hệ thống máy phát điện.
- (iv) Khoản phải trả Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, Tổng công ty Xây dựng Đường thủy là khoản phải trả liên quan đến Dự án Nạo vét cảng Nghi Sơn được giữ lại theo thỏa thuận liên danh đã ký kết.

19. PHẢI TRẢ DÀI HẠN NGƯỜI BÁN

Phải trả dài hạn người bán thể hiện khoản công nợ liên quan đến giá trị chuyển nhượng tàu Bình Minh 02 từ Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí. Khoản nợ này được thanh toán đều trong vòng 8 năm với số tiền 66.267.935.110 đồng/năm, kể từ ngày 04 tháng 11 năm 2011 và kết thúc vào ngày 01 tháng 01 năm 2018.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đồng Việt Nam	634.763.611.654	895.459.691.297
Đô la Mỹ	1.939.536.210.093	2.399.764.623.739
	<u><u>2.574.299.821.747</u></u>	<u><u>3.295.224.315.036</u></u>

Vay dài hạn bằng Đồng Việt Nam bao gồm các khoản vay từ các ngân hàng thương mại cổ phần trong nước. Các khoản vay này có lãi suất vay từ lãi suất từ 4,1%/năm đến 10,5%/năm.

Vay dài hạn bằng Đô la Mỹ bao gồm các khoản vay từ các ngân hàng thương mại cổ phần trong nước và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam. Các khoản lãi vay này có lãi suất vay từ 1,63%/năm đến 5,65%/năm.

Mục đích các khoản vay dài hạn của Tổng công ty chủ yếu là đầu tư tài sản dài hạn như Cảng, tàu dịch vụ dầu khí, thiết bị chuyên ngành dịch vụ kỹ thuật dầu khí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và góp vốn liên doanh các dự án FSO/FPSO với các đối tác nước ngoài.

Các khoản vay dài hạn được bảo lãnh bởi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hoặc bảo đảm bằng tài sản và chi phí xây dựng cơ bản dở dang hình thành từ các khoản vay như đã trình bày trong Thuyết minh số 8 hoặc không có bảo đảm.

Số dư các khoản vay bằng Đô la Mỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 tương đương 90.717.310 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 113.863.135 Đô la Mỹ).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng 1 năm	746.300.213.655	823.523.893.035
Năm thứ 2	1.209.681.880.620	757.947.843.922
Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5	585.398.262.499	1.622.859.278.217
Trên 5 năm	32.919.464.973	90.893.299.862
	<u><u>2.574.299.821.747</u></u>	<u><u>3.295.224.315.036</u></u>
Trừ số vay dài hạn phải trả trong vòng 1 năm (trình bày trong phần vay và nợ ngắn hạn) (Thuyết minh số 15)	<u>746.300.213.655</u>	<u>823.523.893.035</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u><u>1.827.999.608.092</u></u>	<u><u>2.471.700.422.001</u></u>

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản dự phòng bảo hành các công trình dầu khí tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC.

K.Đ
 T
 CH
 BA
 VIET
 TP. H
 01/2
 CH
 C
 CH
 JE
 VIET
 1 - TP

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09 - DN/HN**22. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Tổng công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và năm trước.

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	Lợi nhuận chưa thực hiện	Khấu hao TSCĐ	Lợi nhuận từ công ty liên doanh	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	33.508.706.840	(7.245.817.063)	5.576.953.747	100.639.194.524	(96.543.771.973)	35.935.266.075
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	23.727.826.948	1.742.742.549	(4.444.979.900)	(33.295.242.931)	(29.167.531.046)	(41.437.184.380)
Tại ngày 31/12/2013	57.236.533.788	(5.503.074.514)	1.131.973.847	67.343.951.593	(125.711.303.019)	(5.501.918.305)
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	(9.829.425.344)	(1.341.159.503)	2.581.415.412	(18.062.394.998)	(75.003.879.156)	(101.655.443.589)
Tại ngày 31/12/2014	47.407.108.444	(6.844.234.017)	3.713.389.259	49.281.556.595	(200.715.182.175)	(107.157.361.894)

Một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ theo quy định kế toán hiện hành cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(207.559.416.192)	(131.214.377.553)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	100.402.054.298	125.712.459.228
	(107.157.361.894)	(5.501.918.305)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, công ty con là Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC có các khoản lỗ tính thuế là 407.564.359.506 đồng (tài ngày 31 tháng 12 năm 2013: 430.088.941.645 đồng) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận tương lai. Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC không ghi nhận tài sản thuế hoãn lại cho khoản lỗ này do không chắc chắn về lợi nhuận thu được trong tương lai. Khoản lỗ này có thể được mang sang trong thời hạn tối đa 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ, theo đó, khoản lỗ này sẽ hết hạn vào năm 2017.

500-0
NHÂN
CÔNG TY
ĐĂNG KÝ
JITT
NAM
HỒ C

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Cổ phần	31/12/2014	31/12/2013
- Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	446.700.421	446.700.421
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	446.700.421	446.700.421
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	446.700.421	446.700.421

Tổng công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng công ty.

Chi tiết vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Tổng công ty là 4.467.004.210.000 đồng (năm 2013: 4.467.004.210.000 đồng). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Tại ngày 31/12/2014		Tại ngày 31/12/2013	
	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	51,38	2.295.000.000.000	51,38	2.295.000.000.000
Công ty TNHH Vina Capital Corporate Financial Việt Nam	6,12	273.403.700.000	-	-
Nhóm quỹ FTIF-Templeton Frontier Markets	5,79	258.800.740.000	6,14	274.181.740.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam ("PVcombank")	3,14	140.196.000.000	5,84	260.945.000.000
Các cổ đông khác	33,57	1.499.603.770.000	36,64	1.636.877.470.000
	100,00	4.467.004.210.000	100,00	4.467.004.210.000



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
 Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09 - DN/HN

Thay đổi của vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	Các quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	2.978.020.940.000	486.222.151.515	11.368.196.468	1.201.827.912.561	1.618.854.509.603	6.296.293.710.147
Tăng vốn điều lệ	1.488.983.270.000	(445.675.940.000)	-	-	-	1.042.307.330.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.699.667.161.043	1.699.667.161.043
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	(124.078.338.447)	(124.078.338.447)
Trích lập các quỹ	-	-	-	145.677.698.472	(309.814.421.463)	(164.136.722.991)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(521.152.304.500)	(521.152.304.500)
PTSC M&C lãng vốn điều lệ từ vốn và quỹ khác	-	-	(10.123.134.893)	(3.593.293.177)	13.716.428.070	-
Điều chỉnh Lợi ích cổ đông thiểu số năm trước	-	-	-	-	34.373.000.506	34.373.000.506
Thanh lý khoản đầu tư công ty con	-	-	-	-	6.554.412.671	6.554.412.671
Khác	-	(6.971.678)	(1.245.061.575)	(919.153.845)	3.531.163.587	1.359.976.489
Tại ngày 31/12/2013	4.467.004.210.000	39.539.239.837	-	1.342.993.164.011	2.421.651.611.070	8.271.188.224.918
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.813.436.229.009	1.813.436.229.009
Điều chỉnh mua PVS	-	-	-	3.357.513.142	4.032.829.340	7.390.342.482
Trích lập các quỹ	-	-	-	500.859.475.132	(698.443.805.057)	(197.584.329.925)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(536.040.505.200)	(536.040.505.200)
Điều chỉnh lợi nhuận các công ty liên doanh, liên kết các năm trước	-	-	-	-	(1.435.369.393)	(1.435.369.393)
Khác	-	6.420.163	-	-	(5.184.917.504)	(5.178.497.341)
Tại ngày 31/12/2014	4.467.004.210.000	39.545.660.000	-	1.847.210.152.285	2.998.016.072.265	9.351.776.094.550

Theo Nghị quyết số 380/QĐ-DVKT-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2014 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam, các cổ đông của Công ty mẹ đã phê duyệt tỷ lệ chia cổ tức của năm 2013 là 12% trên mệnh giá cổ phần với số tiền 536.040.505.200 đồng, trích Quỹ dự phòng tài chính là 57.581.519.955 đồng, trích Quỹ khen thưởng và phúc lợi là 138.195.647.893 đồng, trích Quỹ đầu tư phát triển là 419.812.726.060 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng công ty đã thực hiện chi trả cổ tức cho năm 2013 và đã thực hiện trích lập các quỹ theo nghị quyết nêu trên.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09 - DN/HN

24. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

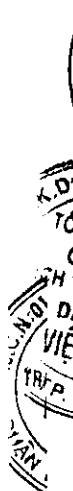
Đơn vị: VND

Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình dầu khí biển PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC-CGGV	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Tổng
400.000.000.000	200.000.000.000	300.000.000.000	350.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000	1.171.498.641.420	21.885.800.000	3.243.384.441.420
<i>Trong đó:</i>								
339.800.000.000	102.000.000.000	285.570.000.000	208.635.000.000	218.760.000.000	204.000.000.000	597.815.756.717	15.300.000.000	1.971.880.756.717
60.200.000.000	98.000.000.000	14.430.000.000	141.365.000.000	181.240.000.000	196.000.000.000	573.682.884.703	6.585.800.000	1.271.503.684.703
15,05%	49,00%	4,81%	40,39%	45,31%	49,00%	48,97%	30,09%	

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm như sau:

Đơn vị: VND

Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình dầu khí biển PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC-CGGV	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Tổng
408.499.081.246	42.646.770.389	16.693.438.639	13.924.877.149	17.667.782.088	(207.331.638.981)	7.515.710.892	325.660.620.198
61.471.962.994	20.896.917.491	802.342.306	5.623.860.027	8.004.697.861	(101.530.065.167)	2.261.601.988	10.293.170.900



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09 - DN/HN

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Đơn vị: VND

	Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình dầu khí biển PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Công ty TNHH Khai sát Địa vật lý PTSC-CGGV	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Tổng
Tổng tài sản	2.832.468.166.290	524.559.203.572	842.907.702.320	498.284.192.678	529.958.947.680	658.626.357.185	2.344.430.183.391	95.867.524.096	8.327.102.277.212
Tổng nợ phải trả	1.901.472.750.295	274.460.615.692	922.828.762.198	132.079.790.494	102.546.296.318	241.812.355.127	1.077.216.912.204	60.796.538.854	4.713.214.001.182
Tài sản thuần	930.995.415.995	250.098.587.880	(79.921.059.878)	366.204.402.184	427.412.651.362	416.814.022.058	1.267.213.271.187	35.070.985.242	3.613.888.276.030
<i>Chi tiết như sau:</i>									
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	400.000.000.000	200.000.000.000	300.000.000.000	350.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000	1.171.498.641.420	21.885.800.000	3.243.384.441.420
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	(140.000.000)	-	-	(140.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	8.715.964.235	1.558.742.623	2.488.791.808	9.300.175.388	9.171.641.621	-	-	3.201.824.016	34.437.139.691
Quỹ dự phòng tài chính	29.120.000.000	4.653.235.786	2.218.458.743	581.260.962	573.227.654	-	-	1.600.912.009	38.747.095.154
Lợi nhuận chưa phân phối (Lũ lũy kế)	493.159.451.760	43.886.609.471	(384.628.310.422)	6.322.965.834	17.667.782.087	16.954.022.058	95.714.629.767	8.382.449.217	297.459.599.765
Lợi ích của cổ đông thiểu số									
<i>Chi tiết như sau:</i>									
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.193.000.000	98.000.000.000	14.419.000.000	141.355.000.000	181.227.000.000	196.000.000.000	573.681.537.420	6.585.800.000	1.271.461.337.420
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	(68.600.000)	-	-	(68.600.000)
Quỹ đầu tư phát triển	1.311.600.088	763.783.985	119.619.630	3.756.075.120	4.155.372.740	-	-	963.481.920	11.069.933.383
Quỹ dự phòng tài chính	4.382.050.400	2.280.085.535	106.626.522	234.754.695	259.710.820	-	-	481.740.960	7.744.968.932
Lợi nhuận chưa phân phối (Lũ lũy kế)	74.211.867.199	21.504.438.641	(18.486.518.694)	2.553.665.244	8.004.697.861	8.307.470.808	46.871.344.120	2.522.417.917	145.489.385.096
	140.098.517.687	122.548.308.061	(3.841.272.542)	1.47.899.495.059	193.646.781.421	204.238.870.808	620.562.881.540	10.553.440.797	1.435.697.022.831

(Handwritten signature)



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
 Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng công ty được chia thành bảy bộ phận kinh doanh với hoạt động chủ yếu như sau:

Bộ phận kinh doanh

Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí
 Dịch vụ cung ứng tàu chứa và xử lý dầu thô FSO/FPPO
 Dịch vụ khảo sát địa chấn địa chất công trình và khảo sát
 sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV
 Cung cấp dịch vụ cấn cứ cảng

Cơ khí, đóng mới và xây lắp
 Sửa chữa, vận hành và lắp đặt
 Cung cấp các dịch vụ khác

Hoạt động

Cho thuê và cho thuê lại tàu dịch vụ dầu khí
 Dịch vụ cung cấp kho nổi, chứa, xử lý và xuất dầu thô
 Cung cấp dịch vụ quản lý, vận hành tàu khảo sát địa chấn 2D, 3D, khảo
 sát địa chất, khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV
 Cung cấp dịch vụ cấn cứ cảng, cho thuê văn phòng và cung cấp dịch vụ
 khác có liên quan

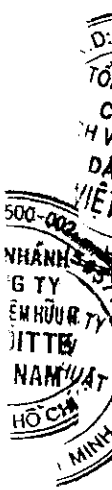
Gia công, lắp ráp, chế tạo các cấu kiện, thiết bị dầu khí
 Sửa chữa, vận hành, lắp đặt và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu
 khí
 Cung cấp các dịch vụ khác phục vụ cho ngành dầu khí

Tổng công ty lập báo cáo bộ phận theo bảy bộ phận kinh doanh như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

Đơn vị: VND

Tài sản	Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí	Dịch vụ cung ứng tàu chứa và xử lý dầu thô FSO/FPPO	Chảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa và xử lý dầu thô hừa công trình ngầm bằng thiết bị ROV	Dịch vụ cấn cứ cảng	Cơ khí, đóng mới và xây lắp	Sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển	Dịch vụ khác	Tổng
Tài sản bộ phận	2.875.338.577.599	3.826.753.352.989	3.072.589.383.475	4.309.396.063.152	9.407.284.151.333	3.288.649.360.450	419.102.812.303	22.986.334.374.832
Lãi từ công ty liên kết								1.066.200.356.047
Tài sản không phân bổ								2.385.906.122.375
Tổng tài sản hợp nhất								<u>26.438.440.853.254</u>
Nợ phải trả								
Nợ phải trả bộ phận	2.882.818.979.209	1.574.519.598.780	1.861.492.388.214	2.099.922.993.998	8.384.084.602.267	2.306.521.735.797	112.239.514.170	15.008.820.485.966
Nợ phải trả không phân bổ								642.147.249.907
Tổng nợ phải trả hợp nhất								<u>15.650.967.735.873</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
 Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013:

Đơn vị: VND

	Dịch vụ tau kỹ thuật dầu khí	Dịch vụ cung ứng tau chứa và xử lý dầu thô FSO/FPPO	Khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị KOV	Dịch vụ vận chuyển và xử lý dầu thô	Sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển	Cơ khí, đóng mới và xây lắp	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng
Tài sản									
Tài sản bộ phận	3.950.157.803.115	3.324.152.944.199	3.644.560.087.326	4.465.165.109.962	6.937.519.536.823	2.040.666.681.074	340.027.294.432	(3.865.067.468.483)	20.837.181.988.448
Lãi từ công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	635.026.841.704
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	2.344.304.005.796
Tổng tài sản hợp nhất									<u>23.816.512.835.948</u>
Nợ phải trả									
Nợ phải trả bộ phận	3.734.679.583.793	1.174.247.351.168	2.238.411.605.130	2.808.083.569.616	6.172.700.523.962	1.475.375.291.159	138.603.304.788	(3.865.067.468.483)	13.877.039.066.237
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	242.951.599.105
Tổng nợ phải trả hợp nhất									<u>14.119.990.665.342</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
 Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09 - DN/HN

Cho năm hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Doanh thu	Dịch vụ đầu khí		Dịch vụ cung ứng tàu kỹ thuật		Khảo sát địa chất địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình tàu biển ROV		Cơ khí, đóng mới và xây lắp		Sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển		Loại trừ	Tổng
	Dịch vụ đầu khí	Dịch vụ đầu khí	Dịch vụ cung ứng tàu kỹ thuật	Dịch vụ cung ứng tàu kỹ thuật	Khảo sát địa chất địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình tàu biển ROV	Khảo sát địa chất địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình tàu biển ROV	Cơ khí, đóng mới và xây lắp	Cơ khí, đóng mới và xây lắp	Sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển	Sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển		
Doanh thu thuần từ bán ra bên ngoài	6.859.323.489.430	2.550.695.190.406	3.229.049.561.965	1.998.617.280.233	13.535.283.899.513	2.860.273.635.433	482.918.146.992	-	31.516.161.203.972	-		
Doanh thu thuần từ bán cho các bộ phận khác	209.264.604.616	297.166.898.284	242.203.427.471	351.896.050.404	266.850.515.521	2.370.662.475.368	179.499.629.499	(3.917.543.601.163)	-			
Tổng doanh thu	7.068.588.094.046	2.847.862.088.690	3.471.252.989.436	2.350.513.330.637	13.802.134.415.034	5.230.936.110.801	662.417.776.491		35.433.704.806.135			
Giá vốn												
Giá vốn bán ra bên ngoài	6.207.908.181.165	2.401.769.260.434	3.218.544.624.895	1.544.310.883.861	13.019.431.760.126	2.227.981.994.088	450.524.884.231		29.070.471.588.800			
Giá vốn bán cho các bộ phận khác	209.264.604.616	297.166.898.284	242.203.427.471	351.896.050.404	266.850.515.521	2.370.662.475.368	62.584.143.547	(3.800.628.115.211)	-			
Tổng giá vốn	6.417.172.785.781	2.698.936.158.718	3.460.748.052.366	1.896.206.934.265	13.286.282.275.647	4.598.644.469.456	513.109.027.778		32.871.099.704.011			
Lợi nhuận gộp	651.415.308.265	148.925.929.972	10.504.937.070	454.306.396.372	515.852.139.387	632.291.641.345	32.393.262.762		2.445.685.615.173			
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	826.766.148.302			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	-	24.796.023.405			
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	1.618.923.466.871			
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	-	-	-	-	-	140.239.290.558			
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	543.824.853.736			
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-	-	-	-	-	-	2.327.783.634.599			
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	402.398.791.071			
	-	-	-	-	-	-	-	-	101.655.443.589			
	-	-	-	-	-	-	-	-	1.823.729.395.909			

(Handwritten signature)



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Đơn vị: VND	Dịch vụ cung ứng tàu kỹ thuật đầu chèo và xử lý dầu khí đầu thô FSO/FPSO		Dịch vụ càn cơ cày		Cơ khí, đóng mới và xây lắp		Sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển		Dịch vụ khác		Loại trừ	Tổng
Doanh thu												
Doanh thu thuần từ bán ra bên ngoài	5.318.393.296.645	1.097.246.428.047	4.762.981.845.599	1.395.336.483.370	10.031.213.863.287	2.241.206.643.936	574.140.362.445	-	25.418.518.923.329			329
Doanh thu thuần từ bán cho các bộ phận khác	447.073.825.778	72.228.076.351	637.862.583.124	218.164.768.696	83.752.878.129	1.822.494.510.445	48.363.489.979	(3.329.940.132.502)	-			-
Tổng doanh thu	5.765.467.122.423	1.169.474.504.398	5.400.844.428.723	1.613.501.252.066	10.114.966.741.416	4.063.701.154.381	622.503.852.424	-	28.748.459.055.831			831
Giá vốn												
Giá vốn bán ra bên ngoài	4.555.903.311.952	922.439.246.389	4.337.491.390.061	1.064.206.545.888	9.556.333.073.867	1.805.924.066.807	507.476.433.700	-	22.749.774.068.644			644
Giá vốn bán cho các bộ phận khác	438.800.897.628	71.464.856.913	622.151.496.410	209.595.204.559	28.184.881.146	1.810.181.037.243	41.029.203.924	(3.221.407.577.823)	-			-
Tổng giá vốn	4.994.704.209.580	993.904.103.302	4.959.642.886.471	1.273.801.750.447	9.584.517.955.013	3.616.105.104.050	548.505.637.624	-	25.971.181.646.467			467
Lợi nhuận gộp												
Lợi nhuận gộp bộ phận	762.480.984.713	174.807.181.658	425.490.455.538	329.129.937.482	474.880.789.420	435.282.577.129	66.663.928.745	-	2.668.744.854.685			685
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	748.451.923.710
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(17.175.399.564)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.903.117.529.411
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	46.025.750.817
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	319.397.375.604
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.268.540.355.832
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	527.436.010.409
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	41.437.184.380
Lợi nhuận trong năm												<u>1.699.667.161.043</u>

(Handwritten signature)

Tổng công ty chi hoạt động ở một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Tổng công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2014 VND	2013 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	3.573.228.237.295	2.425.390.134.332
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.647.625.179.744	15.491.755.044.363
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	8.295.307.786.933	7.512.334.392.177
	<u>31.516.161.203.972</u>	<u>25.429.479.570.872</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Giảm giá hàng bán	-	423.147.543
- Chiết khấu thương mại	-	10.537.500.000
	<u>31.516.161.203.972</u>	<u>25.418.518.923.329</u>

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2014 VND	2013 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.419.784.979.482	2.300.117.624.394
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	17.679.687.745.126	13.316.343.617.453
Giá vốn hợp đồng xây dựng	7.970.998.864.191	7.133.312.826.797
	<u>29.070.471.588.799</u>	<u>22.749.774.068.644</u>

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.815.399.749.076	5.142.801.151.977
Chi phí nhân công	2.628.792.483.957	1.963.908.513.478
Chi phí khấu hao tài sản cố định	982.679.200.495	975.446.893.645
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.679.230.141.123	14.731.159.541.611
Chi phí khác	516.169.854.693	754.969.286.672
	<u>33.622.271.429.344</u>	<u>23.568.285.387.383</u>

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014 VND	2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	142.736.236.861	195.623.036.075
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	4.251.257.500
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	75.475.140.226	68.254.130.922
Lãi thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	-	2.109.158.145
Doanh thu hoạt động tài chính khác	48.511	179.051.912
	<u>218.211.425.598</u>	<u>270.416.634.554</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

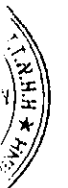
	2014	2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	95.491.794.579	147.673.940.613
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	54.555.328.864	44.114.549.108
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	19.124.728.474	30.596.301.838
Lỗi do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	1.094.697.330
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn	2.554.953.590	20.580.256.797
Chi phí tài chính khác	21.688.596.686	43.532.288.432
	<u>193.415.402.193</u>	<u>287.592.034.118</u>

31. THU NHẬP KHÁC

	2014	2013
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	10.528.694.729	3.119.511.001
Thu từ bồi thường	23.487.546.542	18.740.452.573
Hoàn nhập các chi phí liên quan đến dự án sửa chữa tàu biển Nghi Sơn	29.621.687.266	-
Hoàn nhập các chi phí liên quan đến dự án nhà máy đóng tàu Nhơn Trạch	18.320.980.480	-
Hoàn nhập khoản trích trước lãi phải trả dự án bến số 1, 2 Cảng Nghi Sơn - Thanh Hoá	51.900.455.018	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản đem đi góp vốn	-	6.903.284.511
Thu nhập cung cấp nhân sự quản lý cho MVOT	10.410.540.000	25.258.369.270
Hoàn nhập dự phòng chi phí thanh lý tàu Ruby Princess	-	20.319.272.698
Hoàn nhập bảo hành dự án Topaz	7.474.540.648	-
Các khoản thu nhập khác	9.189.210.213	21.282.904.432
	<u>160.933.654.896</u>	<u>95.623.794.485</u>

32. CHI PHÍ KHÁC

	2014	2013
	VND	VND
Phạt, bồi thường	1.844.236.434	21.574.579.826
Chi thanh lý tài sản cố định	1.290.783.072	2.597.036.964
Chi phí dự án Cảng quốc tế PVTrans đã dừng triển khai	-	5.833.899.600
Chi tài trợ xây dựng Trường cấp II Hoàng Xuân Hãn	3.000.000.000	-
Các khoản chi phí khác	14.559.344.833	19.592.527.278
	<u>20.694.364.339</u>	<u>49.598.043.668</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***33. LỢI NHUẬN THUẬN TỪ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH**

	2014	2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	5.806.828.970	(60.126.368.169)
Công ty Liên doanh Rồng Đồi MV12	7.633.904.772	22.281.341.857
Malaysia VietNam Offshore Terminal Limited	133.346.688.843	120.401.897.637
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited	(2.427.350.335)	19.124.617.908
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	555.589.384	444.219.410
Công ty Cổ phần Bảo vệ An ninh Dầu khí		2.070.493.455
Công ty Liên doanh PTSC SEA	261.955.817.126	215.607.284.427
Công ty Liên doanh PTSC AP	138.657.006.647	(892.114.046)
Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp - Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà	(1.703.631.671)	485.703.125
	<u>543.824.853.736</u>	<u>319.397.075.604</u>

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2014	2013
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	2.327.783.634.569	2.268.540.355.832
Điều chỉnh lợi nhuận năm trước	-	(13.687.770.538)
Các khoản điều chỉnh tăng	510.054.403.774	491.295.678.184
Các khoản điều chỉnh giảm	(850.659.802.660)	(528.402.006.611)
Thu nhập chịu thuế	1.987.178.235.683	2.217.746.256.867
Chuyển lỗ các năm trước	(22.524.582.139)	(15.693.309.217)
Thu nhập tính thuế	1.964.653.653.544	2.202.052.947.650
Thuế thu nhập doanh nghiệp	432.223.803.780	550.513.236.913
Miễn giảm thuế (i)	(9.633.447.464)	(3.029.072.722)
Điều chỉnh thuế	(20.191.565.243)	(20.048.153.782)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>402.398.791.071</u>	<u>527.436.010.409</u>

Theo Thông tư số 78/2014/TT- BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Công ty mẹ và các công ty con có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và thuế suất 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 trên thu nhập chịu thuế.

(i) Miễn giảm thuế chủ yếu thể hiện số thuế được miễn trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo của Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ và Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng công ty	1.813.436.229.009	1.575.588.822.596
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.813.436.229.009	1.575.588.822.596
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>446.700.421</u>	<u>427.853.220</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>4.060</u>	<u>3.683</u>

36. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng công ty có các khoản cam kết thuê tàu hoạt động; thuê đất tại Vũng Tàu với mục đích làm văn phòng cho Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí và Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC; thuê đất với mục đích kinh doanh dịch vụ Cảng của Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ; thuê tài sản với mục đích kinh doanh dịch vụ khách sạn của Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC không hủy ngang với tổng số tiền thuê là 2.875.778 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.016.964 triệu đồng).

Các hợp đồng thuê tàu được ký với thời hạn từ 1 năm đến 5 năm tính từ năm 2013. Hợp đồng thuê đất tại Vũng Tàu được ký với kỳ hạn thuê là 50 năm tính từ năm 2002. Thỏa thuận trong hợp đồng thuê tài sản đến năm 2021.

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 và 20, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng công ty (bao gồm vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các khoản vay	2.579.763.694.683	3.523.854.590.924
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	8.199.395.568.055	5.856.522.432.948
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	<u>9.351.776.094.550</u>	<u>8.271.188.224.918</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>-</u>	<u>-</u>

0
NG
P
K
K
H
H
2500-CH
I NH
ONG
HIEM
LOIT
T M
TP. HC

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày lại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.199.395.568.055	5.856.522.432.948
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.324.962.795.393	7.291.669.990.139
Đầu tư tài chính	159.109.054.579	196.728.582.944
Các khoản ký quỹ	115.351.650.350	21.980.581.350
Tổng cộng	15.798.819.068.377	13.366.901.587.381
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	2.579.763.694.683	3.523.854.590.924
Phải trả người bán và phải trả khác	7.517.476.755.468	6.167.049.804.130
Chi phí phải trả	2.257.413.411.257	1.478.702.441.962
Tổng cộng	12.354.653.861.408	11.169.606.837.016

Tổng công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá các khoản đầu tư và giá hàng hóa), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Tổng công ty quản trị bằng chính sách cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ nhằm đảm bảo giảm thiểu rủi ro về tỷ giá thông qua việc ký kết hợp đồng với các khách hàng theo đối ứng ngoại tệ phải trả cho nhà cung cấp và điều chỉnh linh hoạt giá bán hàng hoặc giá cung cấp dịch vụ khi có sự biến động lớn về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	8.303.999.643.650	7.452.433.742.526	5.557.748.268.060	5.073.887.497.916
Bảng Anh (GBP)	97.858.222	6.303.774.358	1.575.903.529	6.135.753.123
Euro (EUR)	474.720.597	541.578.835	11.031.403.493	1.832.023.638
Đô la Singapore (SGD)	<u>1.866.054.297</u>	<u>6.466.886.581</u>	<u>13.217.059.863</u>	<u>16.586.826.102</u>

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 1% so với Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 1% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 1% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng 1% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng công ty sẽ tăng/(giảm) các khoản tương ứng như sau:

	2014	2013
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	<u>27.462.513.756</u>	<u>23.785.462.446</u>

Dựa trên sự phân tích tương tự cho các ngoại tệ khác thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Tổng công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ giảm/tăng 46.555.672.691 đồng (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ giảm/tăng 52.810.187.057 đồng).

Quản lý rủi ro về giá các khoản đầu tư

Tổng công ty chịu rủi ro về giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Hội đồng Quản trị của Tổng công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng công ty. Tổng công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Tổng công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.199.395.568.055	-	-	8.199.395.568.055
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.324.962.795.393	-	-	7.324.962.795.393
Đầu tư tài chính	-	159.109.054.579	-	159.109.054.579
Các khoản ký quỹ	112.697.706.856	2.653.943.494	-	115.351.650.350
Tổng cộng	15.637.056.070.304	161.762.998.073	-	15.798.819.068.377
31/12/2014				
Các khoản vay	751.764.086.591	1.795.080.143.119	32.919.464.973	2.579.763.694.683
Phải trả người bán và phải trả khác	7.280.610.953.114	236.827.802.354	38.000.000	7.517.476.755.468
Chi phí phải trả	2.257.413.411.257	-	-	2.257.413.411.257
Tổng cộng	10.289.788.450.962	2.031.907.945.473	32.957.464.973	12.354.653.861.408
Chênh lệch thanh khoản thuần	5.347.267.619.342	(1.870.144.947.400)	(32.957.464.973)	3.444.165.206.969
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.856.522.432.948	-	-	5.856.522.432.948
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.291.669.990.139	-	-	7.291.669.990.139
Đầu tư tài chính	-	160.948.555.561	35.780.027.383	196.728.582.944
Các khoản ký quỹ	19.330.301.398	2.650.279.952	-	21.980.581.350
Cộng	13.167.522.724.485	163.598.835.513	35.780.027.383	13.366.901.587.381
31/12/2013				
Các khoản vay	1.052.154.168.923	2.380.807.122.139	90.893.299.862	3.523.854.590.924
Phải trả người bán và phải trả khác	5.025.741.942.524	1.141.307.861.606	-	6.167.049.804.130
Chi phí phải trả	1.478.702.441.962	-	-	1.478.702.441.962
Cộng	7.556.598.553.409	3.522.114.983.745	90.893.299.862	11.169.606.837.016
Chênh lệch thanh khoản thuần	5.610.924.171.076	(3.358.516.148.232)	(55.113.272.479)	2.197.294.750.365

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Ban quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	Công ty trong Tập đoàn PVN
Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú Sông Hậu	Công ty trong Tập đoàn PVN
Ban quản lý Dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn PVN
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	Công ty trong Tập đoàn PVN
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	Công ty trong Tập đoàn PVN
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn PVN
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Dầu Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí	Công ty trong Tập đoàn PVN
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn PVN

D: 0
TỔNG
CỔ P
VU KỸ
DẦU KH
10012/AN
CH CH
CỔ
ÁNH
D&L
V/ET
- TP

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

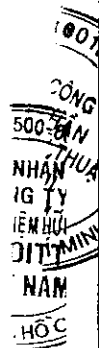
Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Trong năm, Tổng công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	2014 <u>VND</u>	2013 <u>VND</u>
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	8.777.764.566	758.017.792.712
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	30.262.015.835	35.666.719.499
Ban quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	525.171.582.365	28.582.404.428
Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú Sông Hậu	26.673.456.000	18.893.926.400
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	794.118.548.584	1.896.902.323.653
Tổng công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	56.860.345.195	3.758.995.842
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	679.330.328.621	3.799.854.078
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	88.804.102.263	4.888.242.329
Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	84.452.267.877	125.188.037.728
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	8.888.751.599	8.939.955.000
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí	21.696.012.254	13.579.851.296
Tổng công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần	64.196.241.124	41.660.324.235
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	331.374.556.079	280.850.673.095
Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	2.107.490.926
Tổng công ty Dầu Việt Nam	614.200.093	2.490.364.244
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	9.563.197.808	-
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	10.582.079.687	-
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	12.845.062.223	8.801.029.998
	<u>2014</u> <u>VND</u>	<u>2013</u> <u>VND</u>
Chi phí lãi vay		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	34.563.214.776	49.538.678.196
Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm:		
	<u>2014</u> <u>VND</u>	<u>2013</u> <u>VND</u>
Tiền lương và các khoản thu nhập khác	14.798.258.223	15.527.863.636



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Số dư với các bên liên quan:**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản phải thu		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.633.504.194	4.580.315.570
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	30.991.247.047	18.473.875.576
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	1.875.755.310	7.171.374.343
Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	27.894.552.013	49.000.669.734
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	1.777.110.030	4.254.769.478
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	3.749.097.717	2.709.341.693
Tổng công ty Dầu Việt Nam	527.591.353	918.940.058
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	54.582.444.790	5.970.175.906
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.488.549.560	10.159.091.019
Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.432.781.848	9.751.021.867
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	14.740.122.147	6.513.479.106
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú Sông Hậu	442.519.421.436	442.519.421.436
Tổng công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần	17.101.243.976	7.193.244.591
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	148.086.003.194	736.548.467.927
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	5.103.370.822	4.152.619.603
Ban quản lý Dự án Công trình Liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn	70.647.079.041	-
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	14.638.025.942	-
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	995.937.211	-
Trả trước cho người bán		
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	73.838.109.358
Tổng công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.316.952.000	1.301.175.000
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	2.190.360.938	1.365.372.431
Tổng công ty CP Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	1.305.777.000	-
Các khoản phải thu khác		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	16.850.156.471	2.927.589.014
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	-	228.630.275.888
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú Sông Hậu	587.655.082.100	561.165.082.100
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	355.560.293.062	366.062.461.416
Ban quản lý dự án Công trình liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn	52.345.374.030	-
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.892.898.197	1.502.213.982




TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014


THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN


Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải trả		
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí	103.343.940.905	108.411.358.633
Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan		
Dầu khí	39.610.321.438	32.674.250.812
Tổng công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.134.150.638	2.630.261.701
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	19.587.497.969	27.281.978.123
Tổng công ty Dầu Việt Nam	8.258.364.149	9.880.549.209
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	265.071.740.439	331.339.675.549
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	21.066.031.627	12.790.568.758
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	92.400.000	836.080.938
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	50.950.862.754	8.544.942.891
Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí (PVTrans)	184.538.450	-
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy		
Dung Quất	-	2.170.560.392
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	72.150.000
Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	804.286.664	7.959.841.947
Tổng công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	1.764.165.795
Ngân hàng Thương mại CP Đại chúng Việt Nam	77.000.000	-
Tổng công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	56.591.385	-
Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	29.330.715	-
Người mua trả tiền trước		
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú		
Sông Hậu	1.331.640.082.386	1.325.908.043.665
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	174.510.601	48.528.274.692
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	224.677.744.137	173.645.399.729
Ban quản lý dự án Công trình liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn	27.698.260.149	196.033.825.148
Phải trả khác		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	382.752.004.016	651.690.052.096
Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	40.518.408.320	9.141.595.771
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí	700.144.263	-
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	5.647.399.623
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	-	246.386.969.750
Vay dài hạn		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	718.740.768.254	743.282.265.084


 Nguyễn Quang Chánh
 Người lập biểu


 Nguyễn Xuân Cường
 Kế toán trưởng




 Phan Thanh Tùng
 Tổng Giám đốc
 Ngày 23 tháng 3 năm 2015
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam 